

Số: 24 /2018/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 5 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trình tự, thủ tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*  
*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*  
*Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;*  
*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26/11/2014;*  
*Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*  
*Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;*  
*Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;*  
*Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*  
*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*  
*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*  
*Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*  
*Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*  
*Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;*  
*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 189/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa VIII kỳ họp thứ 16 ngày 11/12/2015 về một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 94/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX kỳ họp thứ 5 ngày 08/12/2017 về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 189/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Đồng Nai tại Tờ trình số 970/TTr-SCT ngày 22/03/2018.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trình tự, thủ tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định trình tự, thủ tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (gọi chung là cụm công nghiệp) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, gồm: Các doanh nghiệp trong nước đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp cấp huyện (đã được thành lập theo Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ); Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương.

b) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp; doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp làng nghề (gọi chung là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh).

c) Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc đầu tư và hỗ trợ đầu tư phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Hỗ trợ vốn để bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch cho cụm công nghiệp chưa có chủ đầu tư hạ tầng**

1. Cụm công nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho một trong các đơn vị: Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp cấp huyện (đã được thành lập theo Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ); Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, được hỗ trợ vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch từ Quỹ Phát triển đất tỉnh, cụ thể: Mỗi địa phương cấp huyện chỉ được hỗ trợ 01 (một) cụm công nghiệp, ưu tiên hỗ trợ đối với cụm công nghiệp tại địa bàn huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc và Cẩm Mỹ.

2. Điều kiện được hỗ trợ vốn

a) Cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập theo quy định.

b) Cụm công nghiệp chưa thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng.

c) Cụm công nghiệp có khả năng thu hút đầu tư lấp đầy, hoạt động có hiệu quả và góp phần phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của địa phương.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Quỹ Phát triển đất tỉnh”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**

1. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, bao gồm các hạng mục: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, khu vực lưu giữ, xử lý chất thải rắn (nếu có).

2. Mức hỗ trợ

a) Cụm công nghiệp có diện tích từ 30ha trở lên: 20 tỷ đồng/cụm công nghiệp;

b) Cụm công nghiệp có diện tích dưới 30 ha: 15 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

3. Phương thức hỗ trợ

Chủ đầu tư được hỗ trợ 01 (một) lần khi khối lượng đầu tư đạt từ 60% trở lên tổng mức vốn đầu tư của dự án được duyệt, hoặc nhiều lần theo khối lượng đầu tư, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ 20% tổng kinh phí hỗ trợ khi đạt 20% tổng mức vốn đầu tư của dự án được duyệt;

b) Hỗ trợ tiếp 20% tổng kinh phí hỗ trợ khi đạt 40% tổng mức vốn đầu tư của dự án được duyệt;

c) Hỗ trợ phần kinh phí còn lại theo quy định khi đạt từ 60% trở lên tổng mức vốn đầu tư của dự án được duyệt.

4. Điều kiện được hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

a) Cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập.

b) Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

c) Chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của chủ đầu tư và giá cho thuê lại đối với các nhà đầu tư thứ cấp phải được thẩm định của cơ quan chức năng.

5. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp tỉnh cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp kinh tế”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp**

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Quy định này thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp, mức hỗ trợ thực hiện dự án di dời như sau:

1. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh khi thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp được ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí tháo dỡ, bóc xếp, vận chuyển di dời, xây dựng cơ sở là 30.000 đồng/m<sup>2</sup> tính theo diện tích thuê lại. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Mức hỗ trợ không quá 10.000m<sup>2</sup> đối với doanh nghiệp vừa nhưng không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp vừa.

b) Mức hỗ trợ không quá 5.000m<sup>2</sup> đối với doanh nghiệp có quy mô nhỏ nhưng không quá 150 triệu đồng/doanh nghiệp nhỏ.

c) Mức hỗ trợ không quá 2.000m<sup>2</sup> đối với doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ (hộ kinh doanh) nhưng không quá 60 triệu đồng/hộ kinh doanh.

(Đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác được hỗ trợ theo quy mô như đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa).

2. Điều kiện ngân sách hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp, gồm:

a) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quyết định phê duyệt cơ sở thuộc diện di dời.

b) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh di dời đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm đầu

tư đối với các dự án đầu tư từ trước ngày Luật đầu tư năm 2014 có hiệu lực thi hành (trước ngày 01/7/2015). Hoặc dự án đầu tư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định chủ trương đầu tư sau ngày Luật đầu tư năm 2014 có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/7/2015).

c) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh di dời vào cụm công nghiệp đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

d) Cụm công nghiệp đã hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc cụm công nghiệp đang hoạt động đã có quy hoạch chi tiết và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện dự án di dời tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt.

### 3. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Ngân sách tỉnh cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp khuyến công hàng năm”.

### 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

#### **“Điều 8. Trình tự, thủ tục hỗ trợ ứng vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch cho cụm công nghiệp chưa có chủ đầu tư hạ tầng**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ ứng vốn bồi thường giải phóng mặt bằng: Hồ sơ được lập thành 06 bộ gửi Sở Công Thương, gồm:

a) Văn bản đề nghị ứng vốn của đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp kèm theo Bảng đăng ký kế hoạch ứng vốn;

b) Văn bản của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh đề nghị hỗ trợ ứng vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp;

c) Bản sao (có công chứng hoặc kèm theo bản chính để đối chứng) các loại giấy tờ sau:

- Quyết định thành lập trung tâm phát triển cụm công nghiệp huyện; hoặc Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện; hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương;

- Quyết định thành lập cụm công nghiệp;

- Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đính kèm phương án chi tiết được phê duyệt.

- Văn bản phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền;

d) Bản cam kết hoàn trả (kèm theo phương án hoàn trả vốn ứng phù hợp với dự án được ứng vốn);

đ) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

### 2. Nhận và xử lý hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Thời gian thực hiện thẩm định

- Trong thời gian 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường; Quỹ Phát triển đất tỉnh.

- Trong thời gian 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở Công Thương. Trường hợp quá 12 ngày không có văn bản gửi về Sở Công Thương thì xem như thống nhất và chịu trách nhiệm về nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn phối hợp, Sở Công Thương lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh xem xét quyết định. Trường hợp thẩm định hồ sơ không đạt, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho UBND cấp huyện và đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp để tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

#### b) Trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định

Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm theo văn bản thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ hay không hỗ trợ. Trường hợp quyết định không hỗ trợ, Ủy ban nhân tỉnh có văn bản trả lời về lý do không hỗ trợ.

### 3. Nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ đề nghị hỗ trợ ứng vốn bồi thường giải phóng mặt bằng.

b) Đáp ứng điều kiện hỗ trợ ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

c) Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đề xuất tổng mức kinh phí hỗ trợ ứng vốn bồi thường giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp.

### 4. Hồ sơ thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Các hồ sơ chủ đầu tư đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Văn bản chấp thuận hoặc quyết định phê duyệt của UBND tỉnh về mức hỗ trợ ứng vốn bồi thường giải phóng mặt bằng”.

### 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

**“Điều 9. Trình tự, thủ tục hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được lập thành 08 bộ gửi Sở Công Thương (trong đó có 02 bộ hồ sơ gốc), gồm:

a) Văn bản của chủ đầu tư hạ tầng đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, trong đó có nội dung cam kết “Chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của chủ đầu tư và giá cho thuê lại đối với các nhà đầu tư thứ cấp phải được thẩm định của cơ quan chức năng” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Quy định này.

b) Văn bản đề nghị của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp;

c) Bản sao (có công chứng hoặc kèm theo bản chính để đối chứng) các loại giấy tờ sau:

- Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Quyết định thành lập cụm công nghiệp;
- Quyết định chủ trương đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp;
- Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp và điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp (hoặc giấy phép quy hoạch có điều chỉnh quy hoạch chi tiết) nếu có;

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

- Dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bản vẽ thiết kế thi công đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d) Báo cáo tình hình đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh);

đ) Dự kiến giá cho thuê lại đất trong cụm công nghiệp;

e) Các chứng từ thanh toán, biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình đã thực hiện xong.

- Trường hợp chủ đầu tư thuê nhà thầu: Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu; hóa đơn tài chính.

- Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp thực hiện: Các chứng từ chi trên cơ sở bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc và theo định mức, đơn giá quy định của Nhà nước.

## 2. Nhận và xử lý hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Thời gian thực hiện thẩm định, phối hợp thẩm định

- Trong thời gian 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương tổ chức Đoàn công tác thẩm định, đánh giá khối lượng thực tế đã hoàn thành tại vị trí cụm công nghiệp đề nghị hỗ trợ đầu tư hạ tầng. Thành phần Đoàn gồm: Sở Công Thương (Trưởng đoàn); các thành viên Đoàn, gồm đại diện các

Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường.

- Sau khi thẩm định, đánh giá khối lượng thực tế tại vị trí cụm công nghiệp đề nghị hỗ trợ đầu tư hạ tầng, các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ phối hợp thẩm định, có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở Công Thương sau 12 ngày làm việc kể từ ngày đi thẩm định, đánh giá khối lượng thực tế tại vị trí cụm công nghiệp. Trường hợp quá 12 ngày không có văn bản gửi về Sở Công Thương thì xem như thống nhất và chịu trách nhiệm về nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn phối hợp, Sở Công Thương lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh xem xét quyết định. Trường hợp thẩm định hồ sơ không đạt, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư, UBND cấp huyện để tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

b) Trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định

Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm theo văn bản thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ hay không hỗ trợ. Trường hợp quyết định không hỗ trợ, UBND tỉnh có văn bản trả lời về lý do không hỗ trợ.

3. Nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này.

c) Nội dung dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đề xuất tổng mức kinh phí hỗ trợ.

4. Hồ sơ thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Các hồ sơ chủ đầu tư đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Văn bản chấp thuận hoặc quyết định phê duyệt của UBND tỉnh về mức hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

**“Điều 10. Trình tự, thủ tục hỗ trợ thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án di dời được lập thành 08 bộ gửi Sở Công Thương, gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp;



b) Văn bản của UBND cấp huyện về việc hỗ trợ của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp;

c) Bản sao (có công chứng hoặc kèm theo bản chính để đối chứng) các loại giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm đầu tư đối với các dự án đầu tư từ trước ngày Luật đầu tư năm 2014 có hiệu lực thi hành (trước ngày 01/7/2015); quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau ngày Luật đầu tư năm 2014 có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/7/2015).

- Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng thuê lại đất trong cụm công nghiệp;

- Dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư của doanh nghiệp di dời được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các chứng từ thanh toán, biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình đã thực hiện xong.

d) Báo cáo tài chính hoặc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp di dời vào cụm công nghiệp;

## 2. Nhận và xử lý hồ sơ

a) Thời gian thực hiện thẩm định, phối hợp thẩm định

- Trong thời gian 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; UBND cấp huyện có liên quan đến địa điểm thực hiện di dời dự án vào cụm công nghiệp.

- Trong thời gian 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến, có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở Công Thương. Trường hợp quá 12 ngày không có văn bản gửi về Sở Công Thương thì xem như thống nhất và chịu trách nhiệm về nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn phối hợp, Sở Công Thương lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh xem xét quyết định. Trường hợp thẩm định hồ sơ không đạt, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

b) Trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định

Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm theo văn bản thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ hay không hỗ trợ. Trường hợp quyết định không hỗ trợ, Ủy ban nhân tỉnh có văn bản trả lời về lý do không hỗ trợ.

3. Nội dung thẩm định hồ sơ

a) Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp.

b) Đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

c) Nội dung dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đề xuất tổng mức kinh phí hỗ trợ.

4. Hồ sơ thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Các hồ sơ chủ đầu tư hiện dự án di dời đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Văn bản chấp thuận hoặc quyết định phê duyệt của UBND tỉnh về mức hỗ trợ thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp.

c) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hỗ trợ giữa Trung tâm Khuyến công và chủ đầu tư dự án di dời vào cụm công nghiệp; kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng minh đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, gồm:

- Biên bản nghiệm thu công trình trong cụm công nghiệp.
- Giấy tờ chứng minh sở hữu công trình trong cụm công nghiệp.
- Các hồ sơ giấy tờ chứng minh đã đi vào hoạt động”.

8. Bổ sung Điều 11a vào trước Điều 11 tại Chương III như sau:

**“Điều 11a. Hình thức chi hỗ trợ**

1. Hình thức chi hỗ trợ: Bằng hình thức chuyển khoản.

2. Quy định mức tạm ứng đối với các khoản kinh phí hỗ trợ

a) Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Chủ đầu tư dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chứng minh được khối lượng hoàn thành các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đạt 20% tổng mức vốn đầu tư của dự án được duyệt, nhưng chưa hoàn thành xong các hồ sơ, chứng từ thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy định này, được hỗ trợ tạm ứng phần kinh phí được hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định.

b) Hỗ trợ thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp

Chủ đầu tư thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp chứng minh được khối lượng đầu tư hoàn thành xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa hoàn thành xong các hồ sơ, chứng từ thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy định này, được hỗ trợ tạm ứng phần kinh phí được hỗ trợ thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp theo quy định.

c) Mức hỗ trợ tạm ứng

Mức hỗ trợ tạm ứng thực hiện theo quy định tại Thông thư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách qua Kho bạc Nhà nước.

3. Một số trường hợp không xem xét hỗ trợ

a) Không thực hiện hỗ trợ ứng vốn để bồi thường giải phóng mặt bằng đối với trường hợp thời điểm nộp “hồ sơ đề nghị hỗ trợ ứng vốn bồi thường giải phóng mặt bằng” đã vượt quá 06 tháng tính từ ngày dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Không thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đối với trường hợp thời điểm nộp “hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp” đã vượt quá 06 tháng tính từ ngày nghiệm thu công trình.

c) Không thực hiện hỗ trợ thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp đối với trường hợp thời điểm nộp “hồ sơ đề nghị thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp” đã vượt quá 06 tháng tính từ thời điểm đã hoàn thành công trình, nhà xưởng và đi vào hoạt động”.

9. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 11 như sau:

“1. Sở Công Thương

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

c) Hàng năm xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ, gồm:

- Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Phát triển đất tỉnh, để hỗ trợ ứng vốn để bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch cho cụm công nghiệp chưa có chủ đầu tư hạ tầng.

- Nguồn sự nghiệp kinh tế, gửi Sở Tài chính cân đối, bố trí, ghi vốn để hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

- Nguồn kinh phí sự nghiệp khuyến công, để hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp.

d) Chủ trì thẩm định chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của chủ đầu tư và giá cho thuê lại đối với các nhà đầu tư thứ cấp: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, cụ thể:

- Trường hợp cụm công nghiệp do Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện hoặc Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thì việc quyết định cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, kho bãi, văn phòng và giá các loại dịch vụ công cộng, tiện ích khác do Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh quyết định.

- Trường hợp cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thì được quyền quyết định việc cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, kho bãi, văn phòng và giá các loại dịch vụ công cộng, tiện ích khác theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ. Việc thẩm định chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của chủ đầu tư và giá cho thuê lại đối với các nhà đầu tư thứ cấp theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 Quyết định này được thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo chi phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp được giảm trừ lại cho chủ đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (nhà đầu tư thứ cấp) thuê lại cơ sở hạ tầng.

đ) Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương.

### 3. Sở Tài chính

a) Cân đối và cấp phát kinh phí hỗ trợ theo quy định;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn chủ đầu tư hạ tầng, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ, lập hồ sơ, thủ tục hỗ trợ và quyết toán theo quy định;

c) Chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục tạm ứng và giải ngân kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp cho chủ đầu tư sau khi được UBND tỉnh chấp thuận”.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Quỹ Phát triển đất tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2018. Các nội dung khác tại Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Sở Tư pháp;
- Chánh - Phó Chánh Văn phòng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN, ĐT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Văn Vĩnh*

**Trần Văn Vĩnh**